

Số: 704/BC-UBND

Bến Tre, ngày 20 tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO

**Tình hình, kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính năm 2022
và phương hướng, nhiệm vụ năm 2023**

Kính gửi: Vụ Cải cách hành chính - Bộ Nội vụ

Thực hiện Công văn số 581/BNV-CCHC ngày 21 tháng 02 năm 2022 của Bộ Nội vụ về hướng dẫn thực hiện chế độ báo cáo cải cách hành chính (CCHC) định kỳ, Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Bến Tre báo cáo tình hình, kết quả thực hiện công tác CCHC năm 2022 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2023 như sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CCHC

Thực hiện Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2021-2030, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 8618/KH-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2021 về thực hiện công tác CCHC năm 2022 bao gồm 38 nhiệm vụ trọng tâm ở 07 lĩnh vực; các sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện, UBND cấp xã đã cụ thể hóa kế hoạch CCHC của đơn vị và triển khai thực hiện đồng bộ và hiệu quả. Đến nay đã hoàn thành 38/38 nhiệm vụ¹.

Ban hành Kế hoạch số 8659/KH-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2021 về thông tin, tuyên truyền CCHC năm 2022, qua đó đã đề ra các nội dung và hình thức tuyên truyền trong năm 2022, đã có 12 chuyên mục CCHC được phát sóng trên sóng truyền hình, 12 chuyên mục được phát trên sóng phát thanh, 35 bài viết trên chuyên mục CCHC của Báo Đồng Khởi. Tổ chức thành công cuộc thi Chủ tịch UBND cấp xã với công tác CCHC vào ngày 16/7/2022 với sự tham gia của 18 thí sinh, cổ động viên là Chủ tịch các xã, phường, thị trấn và nhiều công chức, viên chức từ các sở, ban, ngành tỉnh, các huyện, thành phố; mở 03 lớp tập huấn dành cho những người làm công tác CCHC tại các sở, ban ngành, UBND các huyện thành phố và UBND xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh. Ngoài ra, các cơ quan, đơn vị, địa phương trong tỉnh thực hiện truyền thông về CCHC trong các cuộc họp, hội nghị, các lớp phổ biến, giáo dục pháp luật, các lớp bồi dưỡng, tập huấn, tiếp xúc cử tri, họp dân cư nơi ấp, khu phố, Tổ NDTQ...

Ban hành, triển khai Kế hoạch số 1825/KH-UBND ngày 30/3/2022 về kiểm tra công tác CCHC năm 2022, theo đó kiểm tra tại 11 đơn vị (05 sở, 03 huyện, 03

¹ Phụ lục kết quả công tác CCHC năm 2022.

xã), đến nay đã thực hiện kiểm tra 100% đơn vị, qua kiểm tra Đoàn đã nhắc nhở, hướng dẫn các đơn vị trong thực hiện các nhiệm vụ liên quan công tác CCHC.

Thực hiện Công văn số 2340/BNV-CCHC ngày 03 tháng 6 năm 2022 về việc sử dụng kết quả Chỉ số CCHC 2021, Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính 2021 và góp ý hoàn thiện Đề án xác định Chỉ số CCHC; UBND tỉnh tổ chức Hội nghị phân tích các chỉ số liên quan công tác CCHC năm 2021 vào ngày 17/6/2022². Tại hội nghị, lãnh đạo các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thành phố đã ký với Chủ tịch UBND tỉnh Bản cam kết thực hiện các giải pháp duy trì, cải thiện và nâng cao các chỉ số PCI, PAPI, SIPAS, PAR-INDEX giai đoạn 2022-2025.

Triển khai Kế hoạch số 6599/KH-UBND ngày 13 tháng 10 năm 2021 về xác định chỉ số đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước năm 2021, Kế hoạch số 579/KH-UBND ngày 30 tháng 01 năm 2022 về xác định chỉ số CCHC nhà nước của các cơ quan hành chính nhà nước năm 2021; Sở Nội vụ phối hợp với các ngành có liên quan hoàn thành và công bố Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước năm 2021 và Chỉ số cải cách hành chính của các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thành phố năm 2021.

Thực hiện Đề án “Xác định Chỉ số CCHC của các bộ, cơ quan ngang bộ, UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương” giai đoạn 2022-2030, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch xác định Chỉ số CCHC giai đoạn 2022-2030 trên địa bàn tỉnh Bến Tre và Kế hoạch Tự đánh giá xác định Chỉ số CCHC năm 2022 và triển khai thực hiện.

Phối hợp Bộ Nội vụ trong việc cung cấp danh sách và theo dõi công tác điều tra xã hội học xác định chỉ số hài lòng năm 2022 do Bưu điện tỉnh thực hiện. Triển khai kế hoạch của UBND tỉnh về xác định Chỉ số hài lòng năm 2022 đối với các sở ngành và UBND cấp huyện.

UBND tỉnh cũng đã ban hành Kế hoạch tăng cường năng lực đội ngũ cán bộ, công chức thực hiện công tác CCHC giai đoạn 2022-2030.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CCHC

1. Cải cách thể chế

Trong 2022, HĐND tỉnh và UBND tỉnh đã ban hành 70 văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) (19 nghị quyết, 51 quyết định); cơ quan tư pháp cấp tỉnh đã thực hiện thẩm định 107 dự thảo VBQPPL, góp ý 151 dự thảo văn bản của Trung ương và địa phương. Nhìn chung, công tác văn bản nhận được sự quan tâm của lãnh đạo các sở, ngành tỉnh; quy trình soạn thảo, ban hành VBQPPL được các cơ quan tham mưu xây dựng văn bản quan tâm và thực hiện nghiêm túc, các dự thảo

² Kết quả các chỉ số của tỉnh năm 2021: PAPI hạng 56/63, PAR hạng 37/63, SIPAS hạng 26/63, PCI hạng 18/63

VBQPPL đều gửi cơ quan tư pháp thẩm định trước khi trình cơ quan có thẩm quyền ban hành; chất lượng công tác soạn thảo VBQPPL được nâng lên.

UBND tỉnh đã ban hành Công văn thực hiện đánh giá tác động chính sách, thủ tục hành chính (TTHC) trong dự án, dự thảo VBQPPL và nâng cao công tác xây dựng, hoàn thiện thể chế; Công văn tiếp tục thực hiện các giải pháp cải thiện Chỉ số cải thiện các quy định của pháp luật; Công văn về việc thực hiện công tác xây dựng thể chế, pháp luật; tổ chức tập huấn nghiệp vụ công tác VBQPPL; tổ chức kiểm tra VBQPPL cấp huyện năm 2022 và tổ chức thực hiện kiểm tra tại 02 huyện (*Thanh Phú và Mỏ Cày Nam*).

Công tác rà soát VBQPPL được quan tâm thực hiện, qua đó kịp thời kiến nghị sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ các văn bản không còn phù hợp với quy định pháp luật và thực tiễn địa phương³. Chỉ đạo thực hiện tốt việc rà soát thường xuyên, rà soát theo chuyên đề, rà soát, đề xuất định hướng hoàn thiện hệ thống pháp luật. Đã ban hành Danh mục VBQPPL của HĐND, UBND tỉnh hết hiệu lực toàn bộ hoặc một phần trong năm 2021⁴.

Công tác kiểm tra văn bản theo thẩm quyền được cơ quan tư pháp thực hiện thường xuyên, kịp thời theo đúng quy định⁵; trong năm 2022, đã kiểm tra theo thẩm quyền 53 văn bản của HĐND, UBND cấp huyện, qua kiểm tra, không phát hiện văn bản trái với quy định pháp luật...

Để đánh giá hiệu quả, tình hình thi hành pháp luật tại địa phương, UBND tỉnh ban hành kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật năm 2022⁶; Kế hoạch tập huấn nghiệp vụ theo dõi tình hình thi hành pháp luật⁷; Kế hoạch tổng kết 10 năm thi hành Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ về theo dõi tình hình thi hành pháp luật⁸; Quyết định thành lập Đoàn kiểm tra tình hình thi hành pháp luật trong lĩnh vực trọng tâm, liên ngành⁹ và tổ chức kiểm tra công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật tại UBND huyện (*Giồng Trôm, Mỏ Cày Nam, Chợ Lách*) và Sở Lao động Thương binh và Xã hội. Theo đó, tổ chức theo dõi trên tất cả các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước tại địa phương, đồng thời xác định lĩnh vực trọng tâm để theo dõi là: về cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy; thực hiện các chính sách hỗ trợ người dân, người lao động, người sử dụng lao động, doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh trong

³ Báo cáo số 183/BC-UBND ngày 19 tháng 4 năm 2022 về kết quả rà soát pháp luật triển khai định danh và xác thực điện tử; tích hợp thông tin các giấy tờ cá nhân của công dân trên thẻ căn cước công dân và ứng dụng VNEID.

⁴ Quyết định số 167/QĐ-UBND ngày 24 tháng 01 năm 2022.

⁵ Sở Tư pháp đã kiểm tra theo thẩm quyền 15 văn bản của HĐND, UBND cấp huyện.

⁶ Kế hoạch số 652/KH-UBND ngày 08 tháng 02 năm 2022 về theo dõi tình hình thi hành pháp luật năm 2022.

⁷ Kế hoạch số 3253/KH-UBND ngày 31 tháng 5 năm 2022 tập huấn nghiệp vụ theo dõi tình hình thi hành pháp luật và công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2022.

⁸ Kế hoạch số 4875/KH-UBND ngày 03 tháng 8 năm 2022 của UBND tỉnh về việc tổng kết 10 năm thi hành Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ về theo dõi tình hình thi hành pháp luật.

⁹ Quyết định số 2284/QĐ-UBND ngày 06 tháng 10 năm 2022 của UBND tỉnh thành lập Đoàn kiểm tra tình hình thi hành pháp luật trong lĩnh vực trọng tâm, liên ngành.

bối cảnh dịch Covid-19; lập, quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường.

Thực hiện rà soát, lập danh mục VBQPPL do HĐND tỉnh, UBND tỉnh ban hành còn hiệu lực thi hành liên quan đến chính sách pháp luật về hỗ trợ người dân, người lao động, người sử dụng lao động, doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh trong bối cảnh dịch Covid-19. UBND tỉnh ban hành kế hoạch tổng kết 10 năm triển khai thực hiện Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ về theo dõi thi hành pháp luật; chỉ đạo Sở Tư pháp phối hợp các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện điều tra khảo sát trong theo dõi thi hành pháp luật.

2. Cải cách TTHC

UBND tỉnh đã ban hành đầy đủ các kế hoạch liên quan hoạt động kiểm soát TTHC và triển khai thực hiện tốt công tác kiểm soát TTHC, cải cách TTHC trên địa bàn tỉnh (*Kế hoạch số 8658/KH-UBND ngày 29/12/2021 kiểm soát TTHC, triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC và thực hiện TTHC trên môi trường điện tử năm 2022; Kế hoạch số 8709/KH-UBND ngày 30/12/2021 rà soát quy định, TTHC năm 2022; Kế hoạch số 952/KH-UBND ngày 23/02/2022 kiểm tra việc thực hiện hoạt động kiểm soát TTHC, triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC và thực hiện TTHC trên môi trường điện tử năm 2022*).

Công bố danh mục TTHC: Đã ban hành **74** quyết định công bố danh mục TTHC, tổng số **411** TTHC (*trong đó: ban hành mới 89 TTHC; sửa đổi, bổ sung 208 TTHC; thay thế 24 TTHC; bãi bỏ 90 TTHC*) thuộc thẩm quyền giải quyết của các sở, ban, ngành tỉnh và thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện, cấp xã.

Công khai TTHC: Cập nhật, công khai **319** TTHC trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC. Cập nhật, công khai đầy đủ, kịp thời TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan, đơn vị trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh, niêm yết công khai tại Bộ phận một cửa của cơ quan, đơn vị.

Về rà soát, đơn giản hóa quy định, TTHC: UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 8709/KH-UBND ngày 30/12/2021 rà soát quy định, TTHC năm 2022 và triển khai thực hiện. Đến quý III/2022, các sở, ban ngành đã hoàn thành công tác rà soát quy định hành chính, TTHC hàng năm và trình Chủ tịch UBND tỉnh ban hành **10** quyết định phê duyệt phương án đơn giản hóa **34** TTHC theo từng ngành, lĩnh vực và báo cáo Bộ, ngành liên quan và Văn phòng Chính phủ theo quy định (*Báo cáo số 491/BC-UBND ngày 24/9/2022*).

Về tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị (PAKN) về quy định hành chính: Công tác tiếp nhận, xử lý PAKN của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính tiếp tục triển khai thực hiện theo đúng quy định. Trong năm 2022, đã tiếp nhận và xử lý xong **51** PAKN của cá nhân, tổ chức về quy định TTHC, hành vi hành chính

trên Hệ thống tiếp nhận, xử lý PAKN của người dân, doanh nghiệp và báo cáo cáo Văn phòng Chính phủ theo quy định.

Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông: UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 61/2018/NĐ-CP của Chính phủ trên địa bàn tỉnh (*Kế hoạch số 575/KH-UBND ngày 28/01/2022*) và chỉ đạo các cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện đảm bảo tiến độ theo kế hoạch.

Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Bộ phận Một cửa cấp huyện, cấp xã triển khai thực hiện việc tiếp nhận, giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông theo quy định tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP và Thông tư số 01/2018/TT-VPCP. UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 1615/QĐ-UBND ngày 26/7/2022 công bố Danh mục TTHC thực hiện liên thông trong giải quyết TTHC, gồm **402** TTHC liên thông cùng cấp, **133** TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền.

UBND tỉnh đã triển khai thực hiện Công văn số 9318/VPCP-KSTT ngày 21/12/2021 của Văn phòng Chính phủ về thực hiện số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC trong tiếp nhận, giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông (*Công văn số 8779/UBND-KSTT ngày 31/12/2021*); hướng dẫn quy trình thực hiện số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC và triển khai tài liệu tập huấn số hóa của Văn phòng Chính phủ để các cơ quan, địa phương kịp thời nắm bắt và triển khai thực hiện.

UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 2540/QĐ-UBND ngày 02/11/2022 về ban hành Kế hoạch rà soát, đơn giản hóa TTHC nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn tỉnh (*triển khai Quyết định số 1085/QĐ-TTg ngày 15/9/2022 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Kế hoạch rà soát, đơn giản hóa TTHC nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước giai đoạn 2022-2025; Công văn số 6828/VPCP-KSTT ngày 12/10/2022 của Văn phòng Chính phủ về việc hướng dẫn triển khai Kế hoạch rà soát, đơn giản hóa TTHC nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước giai đoạn 2022-2025*) và triển khai thực hiện.

UBND tỉnh đã triển khai thực hiện bộ nhận diện thương hiệu Bộ phận Một cửa các cấp trên địa bàn theo hướng dẫn tại Công văn số 2319/VPCP-KSTT ngày 14/4/2022 của Văn phòng Chính phủ và hướng dẫn kỹ thuật trình bày bảng hiệu nhận diện thương hiệu Bộ phận Một cửa các cấp. Kết quả: Đã hoàn thành việc nhận diện thương hiệu Bộ phận Một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và nhận diện thương hiệu của Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh; 09/09 huyện, thành phố; 157/157 xã, phường, thị trấn đã hoàn thành việc nhận diện thương hiệu Bộ phận Một cửa.

UBND tỉnh ban hành đầy đủ, kịp thời các quy trình nội bộ khi có thay đổi hoặc công bố mới; chỉ đạo các cơ quan, địa phương tăng cường giải quyết TTHC

trên môi trường điện tử, thực hiện số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC, công khai tiến độ giải quyết TTHC trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh; thực hiện tốt cung cấp dịch vụ chứng thực bản sao điện tử từ bản chính.

Công tác kiểm tra hoạt động kiểm soát TTHC: Thực hiện theo Kế hoạch số 952/KH-UBND ngày 23/02/2022, Đoàn kiểm tra đã kiểm tra 15 đơn vị (02 sở, 04 đơn vị cấp huyện, 09 đơn vị cấp xã). Kết thúc kiểm tra, UBND tỉnh có văn bản chỉ đạo khắc phục hạn chế trong hoạt động kiểm soát TTHC để các cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện ngày càng hiệu quả hơn, góp phần tăng thứ hạng chỉ số cải cách TTHC của tỉnh trong thời gian tới.

3. Cải cách tổ chức bộ máy

UBND tỉnh thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả theo định hướng Nghị quyết số 18,19-NQ/TW, Nghị định số 107/NĐ-CP, Nghị định số 108/NĐ-CP và Nghị định số 120/NĐ-CP của Chính phủ và các văn bản có liên quan; kiện toàn chức năng, nhiệm vụ quyền hạn, cơ cấu tổ chức của các cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp thuộc thẩm quyền quản lý của UBND tỉnh, kết quả đã sắp xếp giảm được 06 phòng, 02 Chi cục thuộc Sở¹⁰, 19 phòng thuộc tổ chức tương đương Chi cục thuộc Sở¹¹, giảm được 08 đơn vị sự nghiệp công lập¹². Ngoài ra, còn thực hiện sắp xếp các Ban Quản lý dự án cấp tỉnh theo quy định¹³.

Ban hành Quyết định số 10/2022/QĐ-UBND ngày 30/3/2022 của UBND tỉnh ban hành quy định về phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, cán bộ, công chức và viên chức thuộc thẩm quyền quản lý của UBND tỉnh Bến Tre.

Thực hiện Công văn số 2211/BNV-TCBC ngày 26 tháng 5 năm 2022 của Bộ Nội vụ về việc hướng dẫn về điều chỉnh vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp đối với các đơn vị sự nghiệp công lập. Sở Nội vụ đã ban hành Công văn số 1145/SNV-TCBC&TCPCP ngày 14 tháng 6 năm 2022 về hướng dẫn điều chỉnh tạm thời vị trí việc làm công chức, viên chức đối các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thành phố, các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn; đến nay, 9/9 huyện, 07/18 sở, ngành tỉnh¹⁴ đã hoàn thành việc điều chỉnh Đề án Vị trí việc làm và trình cấp thẩm quyền phê duyệt.

¹⁰ Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch giảm 02 phòng, Sở Xây dựng giảm 01 phòng, Thanh tra tỉnh giảm 01 phòng; Sở Giáo dục và Đào tạo giảm 02 phòng; Sở Khoa học và Công nghệ giảm 01 Chi cục; Sở Nội vụ giảm 01 Chi cục.

¹¹ Các Ban, chi cục thuộc Sở Nội vụ giảm 07 phòng (Ban Tôn giáo, Ban Thi đua - Khen thưởng mỗi Ban giảm 02 phòng; Chi cục Văn thư - Lưu trữ giảm 03 phòng); Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng thuộc Sở Khoa học và Công nghệ giảm 03 phòng; các Chi cục thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng cộng giảm 09 phòng.

¹² Gồm: Giảm 07 Trung tâm Phát triển quỹ đất trực thuộc UBND cấp huyện do sáp nhập vào Ban Quản lý dự án huyện (Giồng Trôm, Chợ Lách, Mỏ Cày Bắc, Thạnh Phú, Ba Tri; Mỏ Cày Nam; Bình Đại); riêng thành phố Bến Tre và huyện Châu Thành giữ nguyên Trung tâm Phát triển quỹ đất thuộc UBND huyện, thành phố; giảm 01 ĐVSNCN thuộc UBND huyện Thạnh Phú; hợp nhất Ban Quản lý du lịch vào Trung tâm Văn hóa - Thể thao và Truyền thanh thành Trung tâm Văn hóa - Thể thao - Truyền thanh và Du lịch huyện Thạnh Phú.

¹³ Ban hành Quyết định số 08/2022/QĐ-UBND ngày 28/3/2022 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Quyết định của UBND tỉnh Bến Tre quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp, theo đó bổ sung chức năng, nhiệm vụ về quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình có công năng phục vụ hỗn hợp.

¹⁴ 11 sở, ngành không có điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ nên không điều chỉnh Đề án vị trí việc làm.

4. Cải cách chế độ công vụ

Việc tuyển dụng, quản lý, sử dụng công chức, viên chức của tỉnh được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật và theo tiêu chuẩn trình độ, khung năng lực của vị trí việc làm.

UBND tỉnh giao Sở Nội vụ hướng dẫn các cơ quan, đơn vị thực hiện công tác đánh giá, xếp loại đối với cán bộ, công chức, viên chức năm 2022. Để đảm bảo tham mưu tốt công tác đánh giá, xếp loại đối với cán bộ, công chức, viên chức thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý, UBND tỉnh thành lập Tổ công tác đánh giá, xếp loại chất lượng tập thể lãnh đạo, quản lý và cán bộ, công chức, viên chức năm 2022 và ban hành kế hoạch hoạt động của Tổ công tác đánh giá, xếp loại.

Hoàn thành việc rà soát, đề xuất khắc phục các trường hợp sai sót trong công tác tuyển dụng, bổ nhiệm theo Kết luận 48-KL/TW và Kết luận 71-KL/TW. Thành lập Hội đồng kiểm tra, sát hạch tiếp nhận vào công chức để thực hiện khắc phục các sai phạm trong công tác tuyển dụng cán bộ, công chức và thực hiện quy trình sát hạch đối với 125 trường hợp. Thực hiện nhận xét, đánh giá để công nhận là công chức, khắc phục sai sót trong công tác cán bộ cho 152 trường hợp. Đối với viên chức trong đơn vị sự nghiệp công lập và công chức cấp xã do đơn vị sự nghiệp công lập và UBND cấp huyện thực hiện quy trình khắc phục theo thẩm quyền.

Ban hành và triển khai Kế hoạch số 5198/KH-UBND ngày 18/8/2022 của UBND tỉnh về việc tổ chức kỳ thi nâng ngạch công chức, thi thăng hạng viên chức từ chuyên viên hoặc tương đương lên chuyên viên chính hoặc tương đương; từ cán sự hoặc tương đương lên chuyên viên hoặc tương đương; từ nhân viên lên cán sự năm 2022 của tỉnh Bến Tre; kỳ thi được diễn ra vào ngày 17, 18/9/2022.

Hoàn thành việc thực hiện Kế hoạch 6695/KH-UBND ngày 14/10/2021 về tổ chức thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông trong các cơ sở giáo dục năm 2020 tỉnh Bến Tre. Tổ chức kỳ thi vào ngày 08-09/01/2022, kết quả 1.284/2.300 thí sinh trúng tuyển.

UBND tỉnh luôn quan tâm, theo dõi việc thực hiện chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức cấp xã, ở ấp, khu phố trên địa bàn tỉnh. Trong năm 2022, UBND tỉnh hướng dẫn các địa phương thống nhất thực hiện chế độ phụ cấp thâm niên đối với các chức danh chỉ huy quân sự cấp xã theo Nghị định 72/2020/NĐ-CP của Chính phủ; xây dựng dự thảo quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tuyển dụng công chức xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Bến Tre ban hành kèm theo Quyết định số 14/2021/QĐ-UBND ngày 05 tháng 5 năm 2021 của UBND tỉnh.

Thực hiện Nghị quyết số 03-NQ/TU ngày ngày 18/01/2021 về xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; xây dựng đội ngũ cán bộ ngang

tầm nhiệm vụ, UBND tỉnh đã phê duyệt Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh năm 2022. Trên cơ sở kế hoạch được phê duyệt, các cơ quan, đơn vị đã chủ động triển khai các nhiệm vụ; đến nay, đã hoàn thành 100% số lượng các lớp theo kế hoạch.

5. Cải cách tài chính công

Ban hành và triển khai Quyết định số 3022/QĐ-UBND ngày 27/12/2021 của UBND tỉnh giao chi tiết kế hoạch vốn đầu tư công nguồn vốn ngân sách và Quyết định số 1708/QĐ-UBND ngày 4/8/2022 về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư năm 2022 với tổng các nguồn vốn đầu tư phát triển là 4.559.051 triệu đồng; lũy kế từ đầu năm đến thời điểm báo cáo giải ngân là 2.839.200 triệu đồng, đạt 62,28% so kế hoạch.

Phối hợp với các đơn vị có liên quan thực hiện các biện pháp nâng tỷ lệ nộp ngân sách nhà nước theo kiến nghị của Bộ Tài chính, Kiểm toán nhà nước, cơ quan có thẩm quyền sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, hiện tại, tỷ lệ trên đạt **94,49%**.

Thực hiện quy định về sắp xếp lại, xử lý nhà, đất theo Nghị định số 167/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ và Nghị định số 67/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 167/2017/NĐ-CP đạt 1726/1759 tổng số cơ sở, đạt tỷ lệ 98,12%. Kiểm tra việc sắp xếp lại, xử lý nhà, đất huyện Ba Tri (28 cơ sở), huyện Giồng Trôm (10 cơ sở).

Thực hiện tốt chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với cơ quan nhà nước; đã giao quyền tự chủ tự chịu trách nhiệm về kinh phí cho 46 đơn vị cấp tỉnh; 156 cơ quan, đơn vị cấp huyện; thực hiện 1.179/1.293 biên chế cấp tỉnh, 1391/1502 biên chế cấp huyện.

Thực hiện cơ chế tự chủ tài chính đối với đơn vị sự nghiệp, đến nay đã thực hiện quyền tự chủ cho 577 đơn vị sự nghiệp công lập¹⁵; tự chủ đối với đơn vị thuộc lĩnh vực sự nghiệp kinh tế 56 đơn vị¹⁶; tự chủ đối với tổ chức khoa học và công nghệ công lập 01 đơn vị.

6. Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số

Triển khai Kế hoạch số 3710/KH-UBND ngày 15/6/2022 về việc triển khai ứng dụng Nền tảng dạy học trực tuyến đến 100% các cơ sở giáo dục trên địa bàn

¹⁵ Cấp tỉnh: Đã thực hiện giao quyền tự chủ cho 63 đơn vị, trong đó: có 05 đơn vị sự nghiệp tự đảm bảo toàn bộ chi phí hoạt động; 42 đơn vị sự nghiệp tự đảm bảo một phần chi phí hoạt động; 16 đơn vị do ngân sách nhà nước bảo đảm toàn bộ chi phí hoạt động. Cấp huyện: Đã thực hiện giao quyền tự chủ cho 514 đơn vị, trong đó: có 01 đơn vị sự nghiệp tự đảm bảo chi phí hoạt động; 28 đơn vị sự nghiệp tự đảm bảo một phần chi phí hoạt động; 485 đơn vị sự nghiệp do ngân sách nhà nước bảo đảm toàn bộ chi phí hoạt động.

¹⁶ 05 đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư; 22 đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên; 20 đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên; 09 đơn vị do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên.

tỉnh Bến Tre để thực hiện các nhiệm vụ được phân công tại Quyết định số 27/QĐ-UBQGČĐS của Ủy ban quốc gia về Chuyển đổi số.

Toàn tỉnh thành lập 09 tổ chuyển đổi số cộng đồng cấp huyện, 157 tổ chuyển đổi số cộng đồng cấp xã và 450 tổ chuyển đổi số cộng đồng cấp khu phố/ấp với hơn 5.100 thành viên tham gia. Đến nay, 100% thành viên Tổ chuyển đổi số cộng đồng đã được tập huấn, phổ cập các kỹ năng số, dịch vụ số, hướng dẫn các kỹ năng sử dụng nền tảng, các kỹ năng liên quan đến thương mại điện tử để triển khai thực hiện nhiệm vụ với nhiều hình thức trực tuyến, trực tiếp cầm tay chỉ việc với mục đích đưa nền tảng số, công nghệ số, kỹ năng số đến từng người dân.

UBND tỉnh đã ban hành quyết định phê duyệt đề cương và dự toán chi tiết nhiệm vụ chuyển đổi số của các ngành: Xây dựng Hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến của Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh; số hóa dữ liệu các khu cụm công nghiệp trên nền tảng bản đồ số 4D; số hóa hiện trạng khu vực/vị trí dự án mời gọi đầu tư; xây dựng Hạ tầng mạng phục vụ hệ thống bệnh án điện tử của Bệnh viện Đa khoa khu vực Ba Tri, hệ thống lưu trữ hồ sơ điện tử ngành tài nguyên và môi trường, hệ thống cơ sở dữ liệu ngành Công thương, Hệ thống truyền hình giao ban trực tuyến của Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh với Ban Chỉ huy quân sự huyện Thạnh Phú, Ba Tri và Bình Đại.

Tiếp tục triển khai Quyết định 1032/QĐ-UBND ngày 18/5/2022 về Phê duyệt Đề án “Thành lập Khu Công nghệ thông tin và Chuyển đổi số tỉnh Bến Tre”; thực hiện hoàn thiện hồ sơ, thủ tục gia nhập chuỗi Công viên phần mềm Quang Trung. Sở Thông tin và Truyền thông phối hợp với các đơn vị liên quan để tham mưu thực hiện nội dung này.

Triển khai cung cấp 100% TTHC thành dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 cung cấp trên Cổng DVCTT của tỉnh; số DVCTT mức 3, 4 tích hợp Cổng quốc gia là DVCTT đạt 71%.

Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh đã được nâng cấp, tích hợp Kho dữ liệu điện tử cá nhân, tổ chức phục vụ công tác số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC của các ngành, các cấp, đồng bộ các danh mục dữ liệu dùng chung được chia sẻ từ Cổng Dịch vụ công quốc gia và bổ sung tính năng tra cứu tài khoản số của cá nhân, tổ chức trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Về kết nối Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư: Ngày 23/11/2022 Đoàn công tác Bến Tre đã phối hợp với Đoàn kiểm tra của Bộ Công an, Bộ Thông tin và Truyền thông tiến hành kiểm tra an ninh, an toàn Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh trước khi thực hiện kết nối với Hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Kết quả Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh đảm bảo điều kiện kết nối chính thức và ngày 24/11/2022 Trung tâm dữ liệu quốc gia về dân cư trực thuộc Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về Trật tự xã hội đã bàn giao tài khoản kết nối chính thức Hệ

thông thông tin giải quyết TTHC của tỉnh với các dịch vụ của Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Dự kiến hoàn thành trong tháng 12/2022.

UBND tỉnh đã ủy quyền cho Sở Thông tin và Truyền thông phối hợp với Ban cơ yếu Chính phủ (*Cục Cơ yếu Đảng - Chính quyền*) cấp chứng thư số chuyên dùng cho 391 tổ chức, 1.858 cá nhân và cấp phôi SIM PKI có tích hợp chữ ký số cho 155 cá nhân để thực hiện ký số trên thiết bị di động. Hệ thống quản lý văn bản và điều hành đã triển khai đến tất cả các cơ quan quản lý nhà nước từ cấp tỉnh đến cấp xã; thực hiện kết nối liên thông văn bản 04 cấp từ Trung ương đến cấp xã.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Mặt tích cực

- Sự quyết liệt trong chỉ đạo và điều hành của Tỉnh ủy, UBND tỉnh đã thúc đẩy công tác CCHC chuyển biến mạnh mẽ và rõ nét, tiếp tục xây dựng hệ thống chính trị có hiệu lực, hiệu quả, đội ngũ CBCCVC năng động, trách nhiệm, chuyên nghiệp và cung ứng tốt nhất các dịch vụ hành chính công. Qua đó, tạo môi trường đầu tư, sản xuất kinh doanh hiệu quả, nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh.

- Công tác CCHC của tỉnh nhận được sự đồng thuận, đồng bộ, đồng lòng, chung sức của cả hệ thống chính trị và Nhân dân. Việc thực hiện công tác CCHC nhận được sự quan tâm đặc biệt, chỉ đạo sát sao, quyết liệt từ Tỉnh ủy, kiểm tra giám sát, chất vấn thường xuyên của HĐND tỉnh.

- Công tác chỉ đạo điều hành được quan tâm thực hiện, chủ động trong sử dụng kết quả các Chỉ số PCI, PAPI, SIPAS, PAR INDEX; công tác tuyên truyền sâu, rộng, đa dạng về hình thức.

- UBND tỉnh đã chủ động trong việc phân tích đánh giá các chỉ số liên quan công tác CCHC để đưa ra các giải pháp khắc phục những hạn chế trong năm 2022. Các cơ quan, đơn vị chủ động triển khai các nhiệm vụ của mình đáp ứng được yêu cầu đề ra, công tác phối hợp nhịp nhàng, góp phần hoàn thành nhiệm vụ theo kế hoạch.

- Công tác ban hành văn bản QPPL được quan tâm thực hiện đảm bảo quy trình và quy định của pháp luật; chất lượng ban hành văn bản thông thường được nâng lên.

- Công tác cải cách TTHC đã ban hành, triển khai đầy đủ các chương trình, kế hoạch năm; các đơn vị, địa phương quan tâm đúng mức đến việc giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền.

- Thường xuyên rà soát, kiện toàn, sắp xếp bộ máy và điều chỉnh vị trí việc làm kịp thời, quy định. Thực hiện tốt công tác thi nâng ngạch công chức, thi thăng hạng viên chức; công tác khắc phục theo Kết luận 48-KL/TW và Kết luận 71-KL/TW.

- Công tác xây dựng Chính phủ điện tử, Chính phủ số được các cấp, các ngành quan tâm thực hiện đạt được nhiều kết quả.

2. Những tồn tại, hạn chế, nguyên nhân

- Bộ Nội vụ chậm ban hành các tài liệu bồi dưỡng theo chương trình khung mới gây ảnh hưởng tiến độ triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng của địa phương.

- Công tác xử lý vi phạm và khắc phục theo Kết luận số 71-KL/TW và Kết luận số 27-KL/TW¹⁷ còn gặp khó khăn do thời gian kiểm tra, rà soát, khắc phục ngắn; các quy định về công tác cán bộ còn nhiều bất cập; hồ sơ tuyển dụng của một số cán bộ, công chức, viên chức trước đây bị thất lạc.

- Chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách cấp xã thấp, chưa đảm bảo cuộc sống để họ an tâm công tác. Biên chế của cán bộ, công chức cấp xã ít nên khi bố trí thêm 01 Phó Chủ tịch ở xã loại 2 phải giảm 01 công chức Tư pháp - Hộ tịch.

- Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến phát sinh hồ sơ thấp do nhiều TTHC cung cấp thành dịch vụ công trực tuyến không phát sinh hồ sơ bao gồm hình thức tiếp nhận trực tiếp và trực tuyến; tiến độ thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số còn chậm; việc lập đồ án quy hoạch chi tiết Khu công nghệ thông tin và chuyển đổi số gặp khó khăn ảnh hưởng đến tiến độ hoàn thành hồ sơ tham gia chuỗi Công viên phần mềm Quang Trung.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CCHC TRỌNG TÂM NĂM 2023

1. Tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ về ban hành Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2021-2030; Kế hoạch số 6600/KH-UBND ngày 13/10/2021 của UBND tỉnh về CCHC giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bến Tre. Tăng cường công tác chỉ đạo, điều hành việc thực hiện công tác CCHC. Ban hành và triển khai kế hoạch CCHC, kế hoạch thông tin, tuyên truyền, kế hoạch kiểm tra CCHC. Thực hiện công bố Chỉ số CCHC và Chỉ số hài lòng của các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thành phố.

2. Nâng cao tính đồng bộ, thống nhất, đảm bảo khả thi của các VBQPPL sau khi ban hành. Có giải pháp nâng cao hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và tổ chức thực thi pháp luật.

3. Tiếp tục đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC theo hướng không phụ thuộc vào địa giới hành chính, gắn với số hóa và sử dụng kết quả số hóa hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết TTHC. Tăng cường rà soát, đơn giản hóa TTHC một cách thực chất; kiểm soát chặt chẽ việc ban

¹⁷ Kết luận số 71-KL/TW ngày 24/3/2020 của Ban Bí thư về xử lý sai phạm trong công tác tuyển dụng cán bộ, công chức, viên chức; Kết luận số 27-KL/TW của Ban Bí thư về xử lý sai phạm trong công tác cán bộ

hành TTHC mới; kịp thời công bố, công khai TTHC theo quy định; nâng cao chất lượng giải quyết TTHC.

4. Tăng cường rà soát, sắp xếp, tổ chức lại bộ máy các cơ quan hành chính, các đơn vị sự nghiệp công lập đáp ứng yêu cầu của Chính phủ.

5. Rà soát, hoàn thiện vị trí việc làm sau khi sắp xếp lại bộ máy; thực hiện tốt công tác quản lý, sử dụng, cán bộ công chức, viên chức đúng theo quy định pháp luật; tinh giản biên chế tại cơ quan, đơn vị.

6. Ban hành Kế hoạch chuyển đổi số năm 2023; Kế hoạch triển khai thực hiện những nhiệm vụ trọng tâm năm 2023 để thực hiện Nghị quyết số 01-NQ/TU.

7. Tiếp tục tăng cường công tác quản lý tài chính - hành chính sự nghiệp, đặc biệt là đối với các quỹ tài chính ngoài ngân sách, các quỹ xã hội từ thiện, các nguồn vận động, đóng góp. Đôn đốc các đơn vị sự nghiệp công khẩn trương xây dựng, tham mưu, trình ban hành danh mục dịch vụ công; định mức kinh tế - kỹ thuật và đơn giá/ giá dịch vụ sự nghiệp công làm cơ sở để triển khai công tác đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước.

Trên đây là tình hình, kết quả thực hiện công tác CCHC năm 2022 và phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm năm 2023 tại tỉnh Bến Tre, UBND tỉnh kính báo cáo Bộ Nội vụ theo dõi, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên (kèm phụ lục);
- TT.TU, TT.HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT.UBND tỉnh;
- Chánh, các PCVP.UBND tỉnh;
- Sở Nội vụ;
- Phòng: KSTT, TH, TC-ĐT, KG-VX, TTPVHCC;
- Lưu: VT, Nh.



Trần Ngọc Tam

Biểu mẫu 1
CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH CCHC
(Kèm theo Báo cáo số 704 /BC-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2022
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre)

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành <i>(Kết luận, chỉ thị, công văn chỉ đạo, quán triệt)</i>	Văn bản	18	
2.	Tỷ lệ hoàn thành Kế hoạch CCHC năm <i>(Lũy kế đến thời điểm báo cáo)</i>	%	100%	
2.1.	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	38	
2.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	38	
3.	Kiểm tra CCHC			
3.1.	Số sở, ngành đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	5	
3.2.	Số UBND cấp huyện đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	3	
3.3.	Tỷ lệ xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	%	100	
3.3.1.	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề	24	
3.3.2.	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề	24	
4.	Thanh tra việc thực hiện quy định pháp luật về tuyển dụng, quản lý, sử dụng công chức, viên chức và tổ chức bộ máy <i>(thuộc thẩm quyền của Sở Nội vụ)</i>			
4.1.	Số cơ quan, đơn vị được thanh tra	%	2	
4.2.	Tỷ lệ cơ quan, đơn vị đã hoàn thành việc thực hiện kết luận thanh tra	%	2	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
5.	Thực hiện nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao			
5.1.	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ	150	30 nhiệm vụ đang thực hiện chưa đến hạn
5.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ	120	
5.3.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ	0	
5.4.	Số nhiệm vụ quá hạn nhưng chưa hoàn thành	Nhiệm vụ	0	
6.	Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức	Có = 1; Không = 0	1	
6.1.	Số lượng phiếu khảo sát	Số lượng	1.800	
6.2.	Hình thức khảo sát	Trực tuyến = 0 Phát phiếu = 1 Kết hợp = 2	2	
7.	Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp	Không = 0 Có = 1	1	

Biểu mẫu 2
CẢI CÁCH THỂ CHẾ
(Kèm theo Báo cáo số 704 /BC-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2022
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre)



STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Tổng số VBQPPL¹⁸ do địa phương ban hành	Văn bản	131	
1.1.	Số VBQPPL do cấp tỉnh ban hành	Văn bản	70	
1.2.	Số VBQPPL do cấp huyện ban hành	Văn bản	53	
1.3.	Số VBQPPL do cấp xã ban hành	Văn bản	8	
2.	Kiểm tra, xử lý VBQPPL			
2.1.	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền của cấp tỉnh	Văn bản	53	
2.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau kiểm tra	%	100%	
2.2.1	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau kiểm tra	Văn bản	0	
2.2.2	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	0	
3.	Rà soát VBQPPL			
3.1.	Số VBQPPL đã rà soát thuộc thẩm quyền của cấp tỉnh	Văn bản	143	
3.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau rà soát	%	100	
3.3.	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau rà soát	Văn bản	36	
3.4.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	36	

¹⁸ Văn bản quy phạm pháp luật.



Biểu mẫu 3
CẢI CÁCH TTHC

(Kèm theo Báo cáo số **104** /BC-UBND ngày **20** tháng **12** năm **2022**
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre)

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Thống kê TTHC			
1.1.	Số TTHC đã được phê duyệt phương án đơn giản hóa	Thủ tục	34	
1.2.	Số TTHC công bố mới	Thủ tục	89	
1.3.	Số TTHC sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, thay thế	Thủ tục	322	
1.4.	Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết tại địa phương	Thủ tục	1.762	
1.4.1	Số TTHC cấp tỉnh (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)	Thủ tục	1.403	
1.4.2	Số TTHC cấp huyện (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)	Thủ tục	246	
1.4.3	Số TTHC cấp xã (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)	Thủ tục	113	
2.	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông			
2.1.	Số TTHC liên thông cùng cấp	Thủ tục	402	
2.2.	Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền	Thủ tục	133	
2.3.	Số TTHC đã thực hiện tiếp nhận và giải quyết hồ sơ không phụ thuộc vào địa giới hành chính.	Thủ tục	79	
3.	Kết quả giải quyết TTHC			
3.1.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do các sở, ngành tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	99,1	
3.1.1	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ	399.018	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
3.1.2	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ	395.318	
3.2.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp huyện tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	99,8	
3.2.1	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ	60.867	
3.2.2	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ	60.755	
3.3.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	99,9	
3.3.1	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ	755.536	
3.3.2	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ	755.532	
3.4.	Tỷ lệ giải quyết phản ánh, kiến nghị (PAKN) về quy định TTHC	%		
3.4.1	Tổng số PAKN đã tiếp nhận (trực tiếp hoặc do cơ quan có thẩm quyền chuyển đến)	PAKN	51	
3.4.2	Số PAKN đã giải quyết xong	PAKN	51	



Biểu mẫu 4
CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY

(Kèm theo Báo cáo số 704 /BC-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2022
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre)

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy			
1.1.	Tỷ lệ sở, ngành đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	%	100% (17/17)	
1.2.	Tỷ lệ UBND cấp huyện đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	%	100% (9/9)	
1.3.	Số lượng các ban quản lý trực thuộc UBND cấp tỉnh	Ban	3	
1.4.	Số tổ chức liên ngành do cấp tỉnh thành lập	Tổ chức	14	
1.5.	Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập (ĐVSNCL) tại địa phương	Cơ quan, đơn vị	614	
1.5.1.	Số ĐVSNCL thuộc UBND tỉnh	Cơ quan, đơn vị	5	
1.5.2.	Số ĐVSNCL thuộc sở, ngành và tương đương	Cơ quan, đơn vị	101	
1.5.3.	Số ĐVSNCL thuộc UBND cấp huyện	Cơ quan, đơn vị	506	Giảm 8 đơn vị do sáp nhập TTPT Quỹ đất vào BQLDA của huyện, sáp

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
				nhập BQL du lịch và TTVHTT&TT huyện Thạnh Phú
1.5.4.	Tỷ lệ ĐVSNCN đã cắt giảm so với năm 2015	%	12.16%	
2.	Số liệu về biên chế công chức			
2.1.	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người	1.769	
2.2.	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	1.650	
2.3.	Số hợp đồng lao động làm việc tại các cơ quan, tổ chức hành chính	Người	142	
2.4.	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	0	
2.5.	Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tinh giản so với năm 2015	%	10,88%	
3.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập			
3.1.	Tổng số người làm việc được giao	Người	20.160	
3.2.	Tổng số người làm việc có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	19.380	
3.3.	Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	370	
3.4.	Tỷ lệ % đã tinh giản so với năm 2015	%	11,2%	

**Biểu mẫu 5****CẢI CÁCH CHẾ ĐỘ CÔNG VỤ**

(Kèm theo Báo cáo số 704 /BC-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2022
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre)

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Vị trí việc làm của công chức, viên chức			
1.1.	Số cơ quan, tổ chức hành chính đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	26/26	
1.2.	Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	615/615	
1.3.	Số cơ quan, tổ chức có vi phạm trong thực hiện vị trí việc làm phát hiện qua thanh tra	Cơ quan, đơn vị	0	
2.	Tuyển dụng công chức, viên chức			
2.1.	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người	72	
2.2.	Số công chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người	10	
2.3.	Số cán bộ, công chức cấp xã được xét chuyển thành công chức cấp huyện trở lên.	Người	21	
2.4.	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển).	Người	92	
2.5.	Số viên chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người	0	
3.	Số lượng lãnh đạo quản lý được tuyển chọn, bổ nhiệm thông qua thi tuyển (Lũy kể từ đầu năm)	Người	0	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
4.	Số lượng cán bộ, công chức, viên chức bị kỷ luật (cả về Đảng và chính quyền).			
4.1.	Số lãnh đạo cấp tỉnh bị kỷ luật.	Người	0	
4.2.	Số lãnh đạo cấp sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người	0	
4.3.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người	1	
4.4.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị SNCL bị kỷ luật.	Người	3	

**Biểu mẫu 6****CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG**

(Kèm theo Báo cáo số 704 /BC-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2022
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre)

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Tỷ lệ thực hiện Kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công	%	62.28	
1.1	Kế hoạch được giao	Triệu đồng	4.559.051	
1.2	Đã thực hiện	Triệu đồng	2.839.200	
2.	Thực hiện tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp (ĐVSN) tại địa phương (lũy kế đến thời điểm báo cáo)			
2.1	Tổng số ĐVSN công lập tại địa phương	Đơn vị	634	
2.2	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư	Đơn vị	05	
2.3	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị	29	
2.4	Số ĐVSN tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	Đơn vị	90	
2.4.1	Số ĐVSN tự bảo đảm từ 70% - dưới 100% chi thường xuyên	Đơn vị	0	
2.4.2	Số ĐVSN tự bảo đảm từ 30% - dưới 70% chi thường xuyên	Đơn vị	0	
2.4.3	Số ĐVSN tự bảo đảm từ 10% - dưới 30% chi thường xuyên	Đơn vị	0	
2.5	Số ĐVSN do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị	510	
2.6	Số lượng ĐVSN đã chuyển đổi thành công ty cổ phần (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Đơn vị	03	

Biểu mẫu 7
XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ, CHÍNH QUYỀN SỐ
*(Kèm theo Báo cáo số 704 /BC-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2022
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre)*

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Cập nhật Kiến trúc chính quyền điện tử phiên bản mới nhất	Chưa = 0 Hoàn thành = 1	1	
2.	Xây dựng và vận hành Hệ thống hợp trực tuyến <i>Liên thông 2 cấp: Từ UBND tỉnh - 100% UBND các huyện.</i> <i>Liên thông 3 cấp: Từ UBND tỉnh - 100% UBND cấp huyện, cấp xã.</i>	Chưa có = 0 2 cấp = 1 3 cấp = 2	2	
3.	Tỷ lệ báo cáo định kỳ được gửi, nhận qua Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia	%	100	
4.	Triển khai xây dựng nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung (LGSP).	Chưa = 0 Đang làm = 1 Hoàn thành = 2	2	
5.	Số liệu về trao đổi văn bản điện tử			
5.1.	Thực hiện kết nối, liên thông các Hệ thống quản lý văn bản điều hành từ cấp tỉnh đến cấp xã			
5.1.1.	Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh	%	100	
5.1.2.	Tỷ lệ UBND cấp huyện đã kết nối, liên	%	100	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
	thông với UBND tỉnh			
5.1.3.	Tỷ lệ UBND cấp xã đã kết nối, liên thông với UBND huyện.	%	100	
5.2.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của địa phương (Chỉ thống kê tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử; sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử).	%	98	
5.2.1.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của các sở, ban, ngành cấp tỉnh	%	95	
5.2.2.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp huyện	%	97	
5.2.3.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp xã	%	98	
5.3.	Xây dựng, vận hành Hệ thống thông tin một cửa điện tử tập trung của tỉnh			
5.3.1.	Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối liên thông với Hệ thống	%	100	
5.3.2.	Tỷ lệ đơn vị cấp huyện đã kết nối liên thông với Hệ thống	%	100	
5.3.3.	Tỷ lệ đơn vị cấp xã đã kết nối liên thông với Hệ thống	%	100	
6.	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến			
6.4.	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 3	%	100	
6.4.1.	Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 3	Thủ tục	191	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
6.4.2.	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3	Thủ tục	191	
6.4.3.	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến	Thủ tục	87	
6.5.	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 4	%	100	
6.5.1.	Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 4	Thủ tục	1177	
6.5.2.	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4	Thủ tục	1177	
6.5.3.	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến	Thủ tục	442	
6.6.	Tỷ lệ TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia	%	100%	Đạt 100% (áp dụng cho những DVCTT đáp ứng yêu cầu của VPCP); đạt 71% so với tất cả các DVCTT đang cung cấp trên Cổng DVC tỉnh
6.6.1.	Tổng số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 của địa phương	Thủ tục	1368	
6.6.2.	Số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đã tích hợp, công khai trên Cổng	Thủ tục	978	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
	<i>DVC quốc gia</i>			
6.7.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận trực tuyến mức độ 3 và 4 (<i>Chỉ thống kê đối với các TTHC mức độ 3 và 4 có phát sinh hồ sơ</i>)	%	63	
6.7.1.	<i>Tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận (cả trực tiếp và trực tuyến)</i>	<i>Hồ sơ</i>	131.590	
6.7.2.	<i>Số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận trực tuyến</i>	<i>Hồ sơ</i>	82.888	
6.8.	Tỷ lệ TTHC được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến	%	75.2%	
6.8.1.	<i>Tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính (tất cả các TTHC có phát sinh phí, lệ phí,...)</i>	<i>Thủ tục</i>	468	
6.8.2.	<i>Số TTHC đã được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia hoặc trên Cổng DVC của tỉnh.</i>	<i>Thủ tục</i>	352	



Phụ lục

KẾT QUẢ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH TRONG TÂM TRIỂN KHAI TRONG NĂM 2022
(Kèm theo Báo cáo số 704 /BC-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre)

STT	Nội dung	Kết quả	Thời gian thực hiện	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Đánh giá kết quả
I	Công tác chỉ đạo, điều hành về CCHC					
1	Xây dựng và triển khai Kế hoạch CCHC năm 2022.	Kế hoạch	Tháng 12/2021	Sở Nội vụ	Cơ quan hành chính nhà nước các cấp	Hoàn thành
2	Xây dựng Kế hoạch tuyên truyền CCHC năm 2022.	Kế hoạch	Tháng 12/2021	Sở Nội vụ	Các cơ quan có liên quan	Hoàn thành
3	Thực hiện công tác tuyên truyền CCHC theo kế hoạch.	Các chuyên mục, bài viết	Năm 2022	Sở Nội vụ	Báo Đồng Khởi, Đài PTTH tỉnh	Hoàn thành
4	Tổ chức các cuộc thi về CCHC dành cho đối tượng là cán bộ, công chức, viên chức ở các ngành, các cấp.	Kết quả cuộc thi	Năm 2022	Sở Nội vụ	Các cơ quan có liên quan	Hoàn thành
5	Tổ chức họp mặt giữa lãnh đạo UBND tỉnh; lãnh đạo sở, ngành tỉnh; lãnh đạo UBND cấp huyện với doanh nghiệp để chia sẻ những khó khăn, vướng mắc về các TTHC và các vấn đề khác có liên quan đến quá trình hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp	Tổ chức các buổi gặp mặt	Quý I, IV năm 2022	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Hiệp hội doanh nghiệp và các cơ quan, đơn vị có liên quan	Hoàn thành

STT	Nội dung	Kết quả	Thời gian thực hiện	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Đánh giá kết quả
6	Tự đánh giá, chấm điểm để xác định Chỉ số CCHC năm 2021 của tỉnh.	Báo cáo chấm điểm	Theo quy định của Bộ Nội vụ	Sở Nội vụ	Các cơ quan có liên quan	Hoàn thành
7	Đánh giá và công bố Chỉ số CCHC năm 2021 của các cơ quan hành chính các cấp.	Báo cáo kết quả chỉ số CCHC	Quý I, II năm 2022	Sở Nội vụ	Hội đồng thẩm định Chỉ số CCHC của tỉnh	Hoàn thành
8	Khảo sát, đánh giá mức độ hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính các cấp.	Báo cáo kết quả khảo sát	Quý I, II năm 2022	Sở Nội vụ	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Hoàn thành
9	Kiểm tra CCHC tại cơ quan hành chính các cấp trên địa bàn tỉnh.	Báo cáo kết quả kiểm tra	Tháng 04-10/2022	Sở Nội vụ	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Hoàn thành
II	Cải cách thể chế					
1	Thực hiện góp ý, thẩm định 100% văn bản quy phạm pháp luật khi có yêu cầu; tự kiểm tra 100% văn bản sau khi ban hành.	Công văn góp ý và Báo cáo thẩm định	Quý I, II, III, IV/2022	Sở Tư pháp	Các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố	Hoàn thành
2	Cập nhật 100% các văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành vào cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật.	Cơ sở dữ liệu	Quý I, II, III, IV/2022	Sở Tư pháp	Trung tâm thông tin điện tử	Hoàn thành

STT	Nội dung	Kết quả	Thời gian thực hiện	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Đánh giá kết quả
3	Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch kiểm tra công tác pháp chế các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh.	Kế hoạch kiểm tra	Quý II/2022	Sở Tư pháp	Các đơn vị được kiểm tra	Hoàn thành
4	Tổ chức hội nghị tập huấn chuyên sâu và bồi dưỡng nghiệp vụ xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật cho các sở, ngành tỉnh, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Phòng Tư pháp cấp huyện và cán bộ pháp chế các sở, ngành tỉnh.	Hội nghị tập huấn	Quý III/2022	Sở Tư pháp	Các cơ quan, đơn vị thuộc đối tượng được tập huấn	Hoàn thành
5	Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh tham mưu lập Danh mục văn bản quy phạm pháp luật của địa phương quy định chi tiết các văn bản Trung ương.	Danh mục văn bản quy phạm pháp luật của địa phương quy định chi tiết các văn bản Trung ương	Sau khi nhận được thông báo của Bộ Tư pháp về các nội dung giao cho chính quyền địa phương quy định chi tiết	Sở Tư pháp	Các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố	Hoàn thành
6	Tiếp tục theo dõi thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh, đảm bảo hiệu quả, có trọng tâm, trọng điểm, phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương và theo sự chỉ đạo của Trung ương.	Kế hoạch, Báo cáo, Công văn	Quý I, II, III, IV/2022	Sở Tư pháp	Các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố	Hoàn thành
7	100% các vấn đề phát hiện qua công tác kiểm tra, đối thi hành pháp luật đều được xử lý, hoặc kiến nghị xử lý theo quy định.	Quyết định, Kế hoạch, Báo cáo	Quý IV/2022	Sở Tư pháp	Các đơn vị được kiểm tra	Hoàn thành

STT	Nội dung	Kết quả	Thời gian thực hiện	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Đánh giá kết quả
III	Cải cách thủ tục hành chính					
1	Xây dựng các kế hoạch liên quan đến hoạt động kiểm soát TTHC năm 2022.	Kế hoạch	Quý IV/2021	Văn phòng UBND tỉnh	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Hoàn thành
2	Rà soát, đánh giá các quy định, thủ tục hành chính.	Báo cáo kết quả rà soát	Quý II, III/2022	Văn phòng UBND tỉnh	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Hoàn thành
3	Kiểm tra công tác kiểm soát TTHC năm 2022 tại các cơ quan, đơn vị.	Báo cáo kết quả kiểm tra	Quý II, III/2022	Văn phòng UBND tỉnh	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Hoàn thành
4	Tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh.	Báo cáo kết quả xử lý phản ánh, kiến nghị	Thường xuyên trong năm	Văn phòng UBND tỉnh	Sở Nội vụ và các cơ quan có liên quan	Hoàn thành
IV	Cải cách tổ chức bộ máy					
1	Kiểm tra đánh giá tình hình tổ chức, biên chế và hoạt động của các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, cấp huyện; kiểm tra, giám sát, đánh giá định kỳ đối với các nhiệm vụ đã phân cấp (Lồng ghép trong kiểm tra CCHC, thanh tra công vụ).	Báo cáo kết quả kiểm tra.	Quý II, III/2022	Sở Nội vụ	Các cơ quan có liên quan	Hoàn thành

STT	Nội dung	Kết quả	Thời gian thực hiện	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Đánh giá kết quả
2	Tham mưu HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết thông qua kế hoạch phân bổ biên chế năm 2022.	Nghị quyết	Sau khi có Quyết định của Bộ Nội vụ	Sở Nội vụ	Các sở, ngành tỉnh	Hoàn thành
3	Ban hành quyết định phân bổ biên chế năm 2022	Quyết định	Sau khi có Nghị quyết HĐND tỉnh.	Sở Nội vụ	Các sở, ngành tỉnh	Hoàn thành
4	Sắp xếp lại tổ chức bộ máy của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh, cấp huyện theo quy định hiện hành tại các văn bản quy phạm pháp luật của Trung ương.	Kết quả sắp xếp	Khi có quy định của Trung ương	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Sở Nội vụ	Hoàn thành
V	Cải cách chế độ công vụ					
1	Tổ chức thi tuyển công chức.	Kết quả thi tuyển	Quý IV năm 2021	Sở Nội vụ	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Hoàn thành
2	Triển khai thực hiện có hiệu quả các quy định của Trung ương về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ CBCCVC.	Các văn bản có liên quan	Năm 2022	Sở Nội vụ	Các cơ quan, đơn vị	Hoàn thành
3	Tổ chức kỳ thi nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức hành chính từ cán sự lên chuyên viên; từ chuyên viên lên chuyên viên chính.	Kết quả thi nâng ngạch	Quý I, II năm 2022	Sở Nội vụ	Các cơ quan, đơn vị	Hoàn thành

STT	Nội dung	Kết quả	Thời gian thực hiện	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Đánh giá kết quả
4	Tổ chức kỳ thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên từ hạng III lên hạng II.	Kết quả thi thăng hạng	Quý I năm 2022	Sở Nội vụ	Sở Giáo dục và Đào tạo; các cơ quan có liên quan	Hoàn thành
5	Xét thăng hạng viên chức ngành Y tế từ hạng IV lên hạng III.	Kết quả xét thăng hạng	Quý I năm 2022	Sở Nội vụ	Sở Y tế; các cơ quan có liên quan	Hoàn thành
6	Xây dựng và triển khai Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC giai đoạn 2022.	Kế hoạch	Quý I năm 2022	Sở Nội vụ	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Hoàn thành
7	Kiểm tra, chấn chỉnh kỷ luật kỷ cương hành chính, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và văn hóa giao tiếp nơi công sở tại các đơn vị, địa phương.	Báo cáo kết quả kiểm tra	Thường xuyên trong năm 2022	Sở Nội vụ	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Hoàn thành
VI	Cải cách tài chính công					
1	Báo cáo định kỳ hàng năm về tình hình thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với cơ quan nhà nước và cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập.	Báo cáo	Quý II/2022	Sở Tài chính		Hoàn thành

STT	Nội dung	Kết quả	Thời gian thực hiện	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Đánh giá kết quả
2	Thực hiện chuyển đổi hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập đủ điều kiện sang cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm, hạch toán như doanh nghiệp.	Quyết định	Trong năm	Sở Tài chính	Sở Nội vụ, các cơ quan có liên quan.	Hoàn thành
3	Tổ chức kiểm tra việc thực hiện các quy định về quản lý tài sản công.	Báo cáo kết quả kiểm tra	Trong năm	Sở Tài chính		Hoàn thành
VII	Xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số					
1	Xây dựng kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin của tỉnh.	Kế hoạch	Tháng 01/2022	Sở Thông tin và Truyền thông		Hoàn thành
2	Triển khai ứng dụng phần mềm quản lý văn bản và điều hành VNPT-iOffice và nâng cao tỷ lệ liên thông văn bản điện tử.			Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thành phố		Hoàn thành
3	Nâng cao tỷ lệ CBCC sử dụng thư điện tử công vụ trong trao đổi công việc.			Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thành phố		Hoàn thành

STT	Nội dung	Kết quả	Thời gian thực hiện	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Đánh giá kết quả
4	Áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 tại cơ quan hành chính các cấp trên địa bàn tỉnh.		Năm 2022	Sở Khoa học và Công nghệ	Tổ chức tư vấn, các cơ quan có liên quan	Hoàn thành